

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 55/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26-6-2018
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH – TỈNH TÂY NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Lễ ;
2. Bà Lê Thị Một.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Linh Phi, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 254/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn H, sinh năm 1987; có mặt.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn NH, xã HĐ, huyện TH, tỉnh Hải Dương.

Tạm trú: đường HVC, phường TBH, thị xã TDM, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị Bảo N, sinh năm 1990; vắng mặt.

Địa chỉ: đường ĐNC, Khu phố A, Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02-5-2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Văn H trình bày:

Anh H và chị N tìm hiểu tự nguyện, tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn vào ngày 28-7-2014 tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Sau khi kết hôn anh H và chị N đi làm thuê tại thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, vợ chồng chung sống hạnh phúc hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do giữa anh H và chị N bất đồng quan điểm, lối sống không phù hợp và đã ly thân từ cuối năm 2015 đến nay. Hiện tại, anh H xác định không còn tình cảm với chị N, không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc nữa nên yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Không có.

Tài sản chung; nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị Bảo N vắng mặt không có ý kiến trình bày:

Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với chị N đầy đủ như Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập đương sự, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị N không đến để giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn: Cho anh H, chị N được ly hôn; Về con chung không có; Về tài sản chung, nợ chung anh H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa anh và chị Lê Thị Bảo N, chị Ngọc có nơi cư trú tại đường ĐNC, Khu phố A, Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Chị Lê Thị Bảo N đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Lê Thị Bảo N.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Giữa anh H và chị N tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh vào năm 2014 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm nhiều lần cãi nhau không thể hàn gắn đoàn tụ được, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay. Chị N mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo, triệu tập nhiều lần họp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do và cũng không ý kiến trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu của anh H; thể hiện cho thấy, chị N không có biểu hiện, động thái tích cực nào để cùng nhau giải quyết mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị N, để thuyết phục anh H hàn gắn đoàn tụ mối quan hệ vợ chồng với nhau.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị N không còn, hôn nhân không mang lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; không có khả năng đoàn tụ. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh H với chị N.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung; Về nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh: Cho anh H và chị N được ly hôn, không xem xét giải quyết con chung, tài sản chung, nợ chung. Hội đồng xét xử thấy đề nghị này phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh H phải chịu án phí theo qui định Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn H và chị Lê Thị Bảo N được ly hôn.
2. Về con chung: Không có.
3. Về tài sản chung; Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lê Văn H phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số **0005421** ngày **02-5-2018** của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Anh H đã nộp đủ án phí.
5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại UBND xã (phường) nơi cư trú.
6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV, TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Tp.TN;
- Chi cục THADS Tp.TN;
- Các đương sự;
- Ủy ban ND Phường B, Tp. TN;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn An